

Số: 2934/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia để tuyển chọn thực hiện trong kế hoạch năm 2022

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014;

Căn cứ kết quả làm việc và kiến nghị của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặt hàng để tuyển chọn (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Vụ trưởng Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính:

- Thông báo danh mục nhiệm vụ nêu tại Điều 1 trên cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định để các tổ chức, cá nhân biết và đăng ký tham gia tuyển chọn.

- Tổ chức Hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá hồ sơ nhiệm vụ đăng ký tham gia tuyển chọn theo quy định hiện hành và báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về kết quả thực hiện.

Điều 3. Vụ trưởng Phát triển khoa học và công nghệ địa phương, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHTC(PDT).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Giang



Phụ lục

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA THỰC HIỆN TỪ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 2934/QĐ-BKHCN ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Stt	Tên Đề tài/dự án	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
1	Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp khoa học và công nghệ trong bảo quản, chế biến và phát triển một số sản phẩm có chất lượng cao từ quả chanh dây tại tỉnh Đắk Nông và khu vực Tây Nguyên	Xác định được giải pháp khoa học và công nghệ trong bảo quản, chế biến và phát triển một số sản phẩm có chất lượng cao từ quả chanh dây, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững tại tỉnh Đắk Nông và khu vực	- 01 Quy trình bảo quản quả chanh dây đông lạnh quy mô 01 tấn/mẻ. - 01 Quy trình bảo quản dịch chanh dây đông lạnh quy mô 300 kg/mẻ. - 05 Quy trình chế biến các sản phẩm: + Bột chanh dây hòa tan (quy mô 100 kg nguyên liệu/mẻ); + Nước chanh dây cô đặc (quy mô 500 kg nguyên liệu/mẻ); + Nước chanh dây lên men có độ cồn thấp (quy mô 200 kg nguyên liệu/mẻ); + Mứt nhuyễn (quy mô 100 kg nguyên liệu/mẻ); + Mứt dẻo từ vỏ chanh dây (quy mô 100 kg nguyên liệu/mẻ). - 01 Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ phụ phẩm chế biến chanh dây (quy mô 01 tấn nguyên liệu /mẻ). - 01 Mô hình bảo quản quả chanh dây đông lạnh (20 tấn) và dịch chanh dây (01 tấn). - 01 Mô hình chế biến các sản phẩm: + Bột chanh dây hòa tan (công suất 100 kg nguyên liệu/mẻ); + Nước chanh dây cô đặc (công suất 500 kg nguyên liệu/mẻ); + Nước chanh dây lên men có độ cồn thấp (quy mô 200 kg nguyên liệu/mẻ); + Mứt nhuyễn (quy mô 100 kg nguyên liệu/mẻ); + Mứt dẻo từ vỏ chanh dây (quy mô 100 kg nguyên liệu/mẻ). - 01 Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh (quy mô 01 tấn nguyên liệu /mẻ). - Các sản phẩm: + Quả chanh dây đông lạnh: 03 tấn (thời gian bảo quản ≥ 12 tháng); + Dịch chanh dây đông lạnh: 01 tấn (thời gian bảo quản ≥ 12 tháng); + Bột chanh dây hòa tan: 100 kg (độ ẩm $\leq 10\%$; độ nguyên chất $\geq 40\%$); + Nước chanh dây cô đặc: 200 lít (hàm lượng chất khô $\geq 30^\circ$ Brix);	Tuyển chọn

		Tây Nguyên. + Nước chanh dây lên men có độ cồn thấp: 500 lít (độ cồn $\leq 5\%$ Vol.); + Mứt nhuyễn: 100 kg (đạt tiêu chuẩn TCVN 10393-2014); + Mứt dẻo từ vỏ chanh dây: 100 kg (đạt tiêu chuẩn cơ sở); (Tất cả các sản phẩm chế biến phải có hương vị, màu sắc đặc trưng của chanh dây, thời gian bảo quản ≥ 6 tháng; đạt tiêu chuẩn ATTP theo quy định). + Phân bón hữu cơ vi sinh: 03 tấn (đạt QCVN 01-189:2019/BNNPTNT). - Công bố tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm trên. - Bài báo khoa học: 02 (được đăng trên tạp chí chuyên ngành). - Giải pháp hữu ích: 01 (được chấp nhận đơn).	
--	--	--	--

